BỘ NỘI VỤ
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC VÀ THĂNG HẠNG CDNN VIÊN CHỨC NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG CHỨC THI MÔN NGOẠI NGỮ CA 01
KỲ THI NÂNG NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2020
Địa điểm: Phòng máy số 03, Tầng 2, Nhà D

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
(1)	*(2)*		*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Trần Hải	Đăng	02/12/1975		**1057**	Trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
2	Trần Nho	Đạt	15/5/1986		**1058**	Phó Vụ trưởng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
3	Nguyễn Đức	Đạt	24/7/1980		**1059**	Chuyên viên	Ủy ban Dân tộc		Tiếng Anh
4	Trần Tất	Đạt	06/4/1985		**1060**	Trưởng phòng	Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
5	Nguyễn Văn	Đạt	11/11/1977		**1061**	Trưởng phòng	UBND huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
6	Nguyễn Ngọc	Diệp		18/08/1984	**1062**	Chuyên viên	Ủy ban Dân tộc		Tiếng Anh
7	Nguyễn Trung	Đoàn	03/8/1975		**1063**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
8	Trần Văn	Đức	17/12/1981		**1065**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
9	Nguyễn Thị Kim	Dung		15/7/1982	**1066**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
10	Nguyễn Thị Thùy	Dung		24/7/1987	**1067**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
11	Lý Thị Kim	Dung		18/12/1976	**1068**	Phó Chánh Văn phòng	Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
12	Đặng Việt	Dũng	10/01/1981		**1069**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
13	Nguyễn Văn	Dũng	24/6/1967		**1070**	Công chức thanh tra	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
14	Nguyễn Văn	Dương	24/6/1982		**1077**	Phó Trưởng phòng	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Tiếng Anh
15	Nguyễn Khương	Duy	25/02/1985		**1078**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
16	Nguyễn Quốc	Duy	25/05/1975		**1079**	Phó Trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
17	Bùi Thị Thắm	Em		27/12/1984	**1080**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
18	Đặng Thị	Gấm		26/11/1978	**1081**	Phó Trưởng Ban	HĐND tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
19	Vũ Hương	Giang		29/7/1986	**1082**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
20	Võ Trường	Giang	09/09/1979		**1083**	Chi Cục trưởng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
21	Nguyễn Văn	Giang	22/5/1978		**1084**	Chuyên viên	Ủy ban Dân tộc		Tiếng Anh
22	Dương Ngọc	Giao	27/7/1975		**1086**	Chuyên viên	Thanh tra Chính phủ		Tiếng Anh
23	Lê Thị Thu	Hà		23/7/1975	**1089**	Chuyên viên	Ủy ban Dân tộc		Tiếng Anh
24	Nguyễn Thị Thu	Hà		08/8/1973	**1091**	Chuyên viên	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị công tác	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ dự thi
			Nam	Nữ					
25	Nguyễn Thị Thu	Hà		17/6/1980	**1092**	Chuyên viên	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
26	Trần Thị Phương	Hà		23/10/1971	**1094**	PVP Cục	Bộ Xây dựng		Tiếng Anh
27	Nguyễn Hồng	Hải	30/09/1973		**1095**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
28	Nguyễn Hoàng	Hải	25/11/1979		**1096**	Phó Giám đốc	Ủy ban Dân tộc		Tiếng Anh
29	Nguyễn Xuân	Hải	04/12/1983		**1097**	Phó Giám đốc	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên		Tiếng Anh
30	Trần Thị Minh	Hằng		12/2/1984	**1099**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
31	Nguyễn Thị Thu	Hằng		03/3/1979	**1100**	Phó trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh